

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 29 - 4 - 2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Phạm Công Gia.**

**2. Ông Đinh Tuấn Đạt.**

***Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Hồng*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa:***  
**Ông Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Phan Thị Thanh Th – sinh năm: 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp NL 2, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại: Tổ 8, ấp NL 2, xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Thanh T – sinh năm: 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp NL 2, xã PX, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

***(Chị Th và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh Th trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/12/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thiếu trách nhiệm, không quan tâm, chia sẻ cùng chị để gánh vác cuộc sống gia đình. Do đó trong cuộc sống chung không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Từ năm 2019 đến nay,

vợ chồng chị sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Phan Nhật B – sinh ngày: 18/11/2014.

Từ khi chị và anh T ly thân nhau đến nay, cháu B do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/3/2022, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Thanh Th tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã PX cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/12/2013. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh bị bệnh nên không đi làm nên không chăm lo cho vợ, con được. Ngoài ra, anh nghi ngờ chị Th sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác. Cuối năm 2018, chị Th bỏ nhà ra ngoài sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không qua lại, thăm hỏi, chăm sóc nhau. Nay chị Th yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn với lý do anh vẫn còn yêu thương vợ con và anh theo Đạo Công giáo không được phép ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung là Nguyễn Phan Nhật B – sinh ngày: 18/11/2014.

Từ khi anh và chị Th ly thân nhau đến nay, cháu B do hai bên gia đình anh chị cùng nhau trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh yêu cầu được qua lại, thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Chị Th giao nộp: CMND của chị Th (bản sao); Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân của chị Th và anh T (bản chính); Trích lục kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Chi tiết giao dịch tài khoản kiêm báo nợ - báo có (bản chính); Bản tự khai ngày 07/3/2022 của chị Phan Thị Thanh Th (bản chính); Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 12/4/2022 của chị Th (bản chính). Anh T giao nộp: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 25/3/2022 của anh T (bản chính). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/3/2022 đối với anh Nguyễn Thanh T; 02 Biên bản xác minh tại địa phương ngày 25/3/2022; Biên bản thể hiện nguyện vọng của con chung đối với cháu Nguyễn Phan Nhật B. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị Th và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Th, cho chị Phan Thị Thanh Th được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

+ Về con chung: Đề nghị giao 01 con chung là Nguyễn Phan Nhật B – sinh ngày: 18/11/2014 cho chị Phan Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh T kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Phan Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Thanh Th khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T. Anh T đang cư trú tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chị Phan Thị Thanh Th và anh Nguyễn Thanh T là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị Th và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung: Chị Th và anh T kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX vào ngày 26/12/2013. Nay chị Th yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PX vào ngày 26/12/2013. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Th yêu cầu ly hôn vì do anh T thiếu trách nhiệm, không quan tâm, chia sẻ cùng chị để gánh vác cuộc sống gia đình. Anh T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do anh bị bệnh nên không đi làm được, chị Th sống không chung thủy. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn do anh vẫn còn thương yêu vợ, con và anh theo Đạo Công giáo không cho phép ly hôn.

Qua ý kiến thừa nhận của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương (bút lục 28 – 29) thể hiện trong cuộc sống chung của chị Th và anh T có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh Th là cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

[3.2]. Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là Nguyễn Phan Nhật B – sinh ngày: 18/11/2014.

Chị Th yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bản thân chị Th có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị Th và anh T sống ly thân đến nay, con chung sống cùng chị Th. Hơn nữa, cháu B cũng có nguyện vọng sống cùng chị Th và anh T cũng đồng ý với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị Th. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Phan Nhật B cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

[3.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh T kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Phan Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 11, 85, 89, 91, 92, 94 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Thanh Th.  
Cho chị Phan Thị Thanh Th được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là Nguyễn Phan Nhật B – sinh ngày: 18/11/2014.

Giao con chung cho chị Phan Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh T kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Thanh Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Th đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002355 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Chị Th và anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân xã PX: Đề ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 156, cấp ngày 26/12/2013);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Lợi**